

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10 - 6 - 2022

“V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Dương Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: ông **Nguyễn Văn Giang** và bà **Nguyễn Thị Hảo**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Thu Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: bà **Tạ Thị Huyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về “tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐ-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Bùi Thị Tr**, sinh năm: 1994; nơi thường trú: khu T, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1992; nơi thường trú: số X, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ tạm trú: khu Y, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa, không lý do (lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, quan điểm thể hiện tại phiên tòa của nguyên đơn chị Bùi Thị Tr và tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2012, sau đó anh T đi chấp hành án đến tháng 6/2017 trở về địa phương thì chị Tr và anh T bắt đầu chung sống. Chị Tr và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (Giấy chứng nhận kết hôn số 14). Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T nóng tính bất thường, có hành vi đánh người vô cớ (đã

từng bị Công an xử phạt hành chính), trong gia đình cũng đập phá tài sản, đánh vợ, quát con do đó gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, thực tế chị Tr và anh T đã ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Nay, chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: chị Tr và anh T có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Kim H, sinh ngày 15/5/2013 và Nguyễn Kim L, sinh ngày 02/6/2019. Chị Tr đề nghị được nuôi con là Nguyễn Kim L, đề nghị anh T nuôi con chung Nguyễn Kim H đến tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị Tr trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: chị Tr trình bày không có khoản nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù, anh T nhận trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, hai lần nhận Giấy triệu tập, thông báo về việc cung cấp chứng cứ của Tòa án và tổng đạt hợp lệ các tài liệu gồm: thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cần thiết trong quá trình giải quyết cho anh T và bản thân anh T đã được chị Tr thực hiện việc giao gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện theo khoản 9 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) nhưng anh T không tham gia tố tụng, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Tài liệu do Tòa án thu thập tại nơi anh T đăng ký tạm trú: lý lịch cá nhân của Nguyễn Văn T thể hiện năm 2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái xử phạt 05 năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”; Thông báo về việc: xử phạt vi phạm hành chính, ngày 01/12/2020 đối với Nguyễn Văn T đã có hành vi “xâm hại sức khỏe” của người khác bị phạt 2.500.000đ; căn cước công dân cấp cho Nguyễn Văn T và đơn xin xác nhận của Công an phường Ka Long.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương về thực trạng hôn nhân và gia đình giữa chị Tr với anh T thể hiện: chị Tr và anh T có mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 10/2021, đồng thời xác nhận thông tin về con chung.

Tại biên bản ghi lời khai của con chung Nguyễn Kim H có nguyện vọng muốn ở cùng bố là Nguyễn Văn T.

[4]. Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự tham gia tố tụng. Việc lập hồ sơ, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng theo quy định. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và được đảm

bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS;

- Về nội dung: căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HNGĐ), đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Tr đối với anh Nguyễn Văn T. Giao con chung Nguyễn Kim L, sinh ngày 02/6/2019 cho chị Tr nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Giao con chung Nguyễn Kim H, sinh ngày 15/5/2013 cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và khoản nợ chung chị Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hôn nhân và gia đình” của chị Bùi Thị Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ chị Bùi Thị Tr có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do bị đơn không hợp tác tham gia tố tụng phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 của BLTTDS. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, nội dung lời khai của chị Bùi Thị Tr và thông tin xác minh cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ tháng 6/2017, đến ngày 16/5/2019 tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, do tính cách của anh T nóng nảy bất thường, có hành vi đánh người vô cớ. Nội dung này phù hợp với tài liệu do địa phương cung cấp thể hiện qua nhân thân của anh T từng bị Tòa án xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cơ quan Công an xử phạt hành chính cùng về hành vi này. Chị Tr và anh T đã ly thân, chị Tr đã về nhà ngoại ở T, Móng Cái, Quảng Ninh từ tháng 10/2021 đến nay. Thông qua việc tổng đạt văn bản tố tụng mà anh T nhận trực tiếp thể hiện anh

T biết rõ việc chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện thái độ thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con, không có mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân với chị Tr, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc gia đình của anh T. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh T đã trầm trọng, không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế cuộc sống chung không còn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh T.

- Về con chung: chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Văn T có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Kim H, sinh ngày 15/5/2013 và Nguyễn Kim L, sinh ngày 02/6/2019. Chị Tr đề nghị được nuôi cháu Long, đề nghị anh T nuôi cháu Hoàng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng muốn được ở với bố, nên có cơ sở giao con chung Nguyễn Kim L cho chị Tr nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Kim H cho anh T nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung vợ chồng: chị Tr trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn chị Bùi Thị Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Tr về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* xử cho chị Bùi Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung:* giao con chung Nguyễn Kim L, sinh ngày 02/6/2019 cho chị Bùi Thị Tr là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung Nguyễn Kim H, sinh ngày 15/5/2013 cho

anh Nguyễn Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: buộc chị Bùi Thị Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Tr đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007549 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- UBND phường T, thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
 (đã ký)

Dương Thị Thu Hà